

UBND HUYỆN BA VÌ
TRƯỜNG TIỂU HỌC ĐỒNG THÁI



SÁNG KIẾN KINH NGHIỆM

MỘT SỐ BIỆN PHÁP NÂNG CAO KĨ NĂNG VIẾT VĂN CHO HỌC SINH TRONG MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 4

Tên Tác giả: **Đặng Thị Thanh Huyền**

Đơn vị công tác: **Trường Tiểu học Đồng Thái**

Chức vụ: **Giáo viên**

NĂM HỌC 2023 - 2024

MỤC LỤC

I. ĐẶT VẤN ĐỀ	1
1. Tính cấp thiết phải tiến hành sáng kiến.....	1
2. Mục tiêu của đề tài, sáng kiến.	2
3. Thời gian, đối tượng, phạm vi nghiên cứu.	2
II. NỘI DUNG CỦA SÁNG KIẾN.....	2
1. Hiện trạng vấn đề	2
2.1. Biện pháp thứ nhất: Tìm hiểu đề.....	6
2.2. Biện pháp thứ hai: Hướng dẫn học sinh lập dàn ý theo sơ đồ tư duy.....	7
2.3. Biện pháp thứ ba: Dạy tốt tiết trả bài văn	8
2.4. Biện pháp thứ tư: Tăng cường trải nghiệm thực tế tạo điều kiện mở rộng hiểu biết và vốn từ cho học sinh	9
3. Kết quả sau khi áp dụng giải pháp sáng kiến tại đơn vị:	15
4. Hiệu quả của sáng kiến:	16
4.1. Hiệu quả về khoa học:.....	16
4.2. Hiệu quả về kinh tế:	16
4.3. Hiệu quả về xã hội:	16
5. Tính khả thi (khả năng áp dụng vào thực tiễn công tác của đơn vị, địa phương...):	17
6. Thời gian thực hiện đề tài, sáng kiến.	17
III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT.....	17
1. Kết luận	17
2. Đề xuất	18

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tính cấp thiết phải tiến hành sáng kiến

Chương trình ở bậc Tiểu học có nhiều môn học với nội dung đa dạng và phong phú. Song, chúng luôn có mối quan hệ mật thiết tác động qua lại giúp học sinh phát triển toàn diện. Trong đó, kỹ năng viết văn trong môn Tiếng Việt chiếm một vị trí cực kỳ quan trọng. Nó không chỉ cung cấp các kiến thức về "làm văn" mà còn góp phần giáo dục tư tưởng, tình cảm, phát triển tư duy và trí tưởng tượng của các em. Đối với học sinh lớp 4, việc hình thành phương pháp làm bài văn đã khó, việc dạy các em viết được một bài văn hay lại càng khó hơn.

Mặt khác, kỹ năng viết văn lại có tính chất tổng hợp, vừa sử dụng các hiểu biết và các kỹ năng khác từ môn Tiếng Việt cung cấp, đồng thời phát huy những kết quả đó, góp phần hoàn thiện nhân cách cho học sinh. Ở lớp 4, các bài viết văn đều được gắn với các chủ điểm. Học các tiết viết văn, khi nhận diện đặc điểm các loại bài miêu tả, kể chuyện, viết thư, ... các em có dịp tiếp cận với vẻ đẹp của con người, thiên nhiên qua các bài văn, đoạn văn điển hình. Khi phân tích các đề Tập làm văn, học sinh lại hướng tới cái chân, cái thiện, cái mỹ được hình thành trong các đề bài. Khi quan sát cây cối, con vật trong văn miêu tả, học sinh được rèn luyện cách nhìn đối tượng trong quan hệ gần gũi giữa người với vật. Các bài luyện tập viết thư, trao đổi với người thân cũng tạo cơ hội cho học sinh thể hiện mối quan hệ với cộng đồng. Những cơ hội đó làm cho tình cảm yêu mến, gắn bó với thiên nhiên, với người và vật xung quanh của trẻ được nảy nở; tâm hồn, tình cảm của trẻ thêm phong phú. Đó là những nhân tố quan trọng góp phần hình thành nhân cách tốt đẹp của trẻ.

Trên thực tế, những nội dung yêu cầu về bộ môn tập làm văn ở lớp 3 chưa cao, do vậy, khi lên lớp 4, đối với các em là một bước ngoặt lớn. Từ những dạng bài: Trả lời câu hỏi, kể chuyện đơn giản, nay các em phải làm quen với các kiểu bài, thể loại nhất định đòi hỏi các em phải có năng lực quan sát, suy luận, tưởng tượng phong phú. Các em phải biết vận dụng ngôn ngữ để diễn đạt ý nghĩ, tình cảm trong sáng, cảm xúc hồn nhiên, trí tưởng tượng và những ước mơ bay bổng của mình một cách có thứ tự, có hệ thống, đúng chính tả, đúng ngữ pháp. Về hình thức, ở lớp 3 các em mới chỉ dừng lại ở việc viết đoạn văn, nhưng tới lớp 4 yêu cầu đặt ra đã cao hơn, các em cần viết được một bài văn đúng cấu trúc: Mở bài, thân bài, kết bài. Từ đó, cho thấy đây chính là kỹ năng ứng dụng tổng hợp những kiến thức của học sinh đã học trong các kỹ năng khác của môn Tiếng Việt và các môn học khác. Chính vì vậy, tôi luôn suy nghĩ, tìm mọi biện pháp để khơi dậy những tiềm năng văn học trong mỗi học sinh. Những tiềm năng ấy là mạch suối nguồn tinh khiết tưới mát cho tâm hồn trẻ em hôm nay, giúp những mầm non văn học luôn xanh tươi và sẽ nở hoa, kết trái. Giúp các em có điều kiện tiếp cận với vẻ đẹp

của con người và thiên nhiên đất nước, bộc lộ được cảm xúc cá nhân và phát triển nhân cách.

Từ nhận thức trên, Tôi đã cố gắng chăm chỉ, học hỏi để tìm ra cách thức dạy viết văn ở lớp 4 với mong muốn giúp các em thêm yêu thích hoạt động viết văn và có kỹ năng viết văn ngày càng tốt hơn. Từ những kinh nghiệm của bản thân, tôi nhận thấy rằng, bất cứ môn học nào muốn học tốt thì các em phải cảm thấy hứng thú, say mê với môn học đó. Với hoạt động viết văn cũng vậy, các em có hứng thú với giờ học thì kết quả học tập sẽ tốt hơn. Để giúp giờ Tập làm văn 4 trở nên nhẹ nhàng, đạt hiệu quả tốt, tôi đã quan tâm đến phương pháp giảng dạy, chú ý tìm hiểu sử dụng nhiều phương pháp cũng như hình thức dạy và học phù hợp với từng bài dạy. Trong khuôn khổ bài viết này, tôi mạnh dạn trình bày: *“Một số biện pháp nâng cao kỹ năng viết văn cho học sinh trong môn Tiếng Việt lớp 4”*.

2. Mục tiêu của đề tài, sáng kiến.

Mục tiêu tôi đề ra khi viết sáng kiến này là:

- Khơi dậy được hứng thú sự yêu thích của học sinh đối với hoạt động viết văn từ đó bồi dưỡng và nâng cao kỹ năng viết của các em học sinh trong môn học Tiếng Việt.

3. Thời gian, đối tượng, phạm vi nghiên cứu.

- Thời gian: Năm học 2023-2024

- Đối tượng nghiên cứu: Học sinh lớp 4A trường Tiểu học Đồng Thái năm học 2023-2024.

- Phạm vi nghiên cứu:

- + Chương trình Tiếng Việt lớp 4 bộ sách “Kết nối tri thức với cuộc sống”.
- + Các bài viết văn cho học sinh.

II. NỘI DUNG CỦA SÁNG KIẾN

1. Hiện trạng vấn đề

Là một giáo viên đã dạy nhiều năm ở khối 4, tôi nhận thấy: phần nội dung viết văn của môn Tiếng Việt lớp 4 khá sinh động, phong phú, đa dạng. Nhiều dạng bài mới phù hợp, gần gũi với sở thích, tâm lý của học sinh lớp 4. Song để học sinh có hứng thú khi học tiết Tập làm văn là một điều rất khó. Hơn thế nữa, để các em có kỹ năng viết được bài văn hay lại càng khó hơn.

Qua thực tế giảng dạy, tôi thấy còn một số hạn chế ảnh hưởng không nhỏ đến việc học văn nói chung và kỹ năng viết văn của học sinh nói riêng. Cụ thể là:

*** Về phía giáo viên:**

- Trong tiết Tập làm văn, một số giáo viên hay bỏ qua công đoạn cho học sinh: Tìm hiểu đề. Đây là một bước rất quan trọng để học sinh xác định đúng trọng tâm của bài văn.

- Chưa quan tâm đến việc làm giàu vốn từ, việc làm thế nào giúp cho học sinh tích lũy những câu văn, đoạn văn hay...

- Giáo viên chưa có nhiều đổi mới trong phương pháp và hình thức dạy học trong hoạt động viết văn, chưa khơi gợi được sự hứng thú và phát huy.

- Giáo viên chưa thấy được vai trò và tầm quan trọng của tiết văn trả bài. Chính vì vậy học sinh chưa thấy được các lỗi mình hay mắc phải khi viết văn. Hơn thế nữa, các em không biết cách sửa những câu văn còn dùng từ sai hoặc câu diễn đạt lủng củng.

*** Về phía học sinh:**

- Thực tế, khả năng tiếp thu của học sinh trong lớp không đồng đều. Vốn từ và khả năng diễn đạt của các em còn hạn chế.

- Học sinh chưa có nhiều trải nghiệm và kinh nghiệm thực tiễn

- Kỹ năng tự học của học sinh còn hạn chế. Thói quen đọc sách tham khảo của học sinh chưa cao.

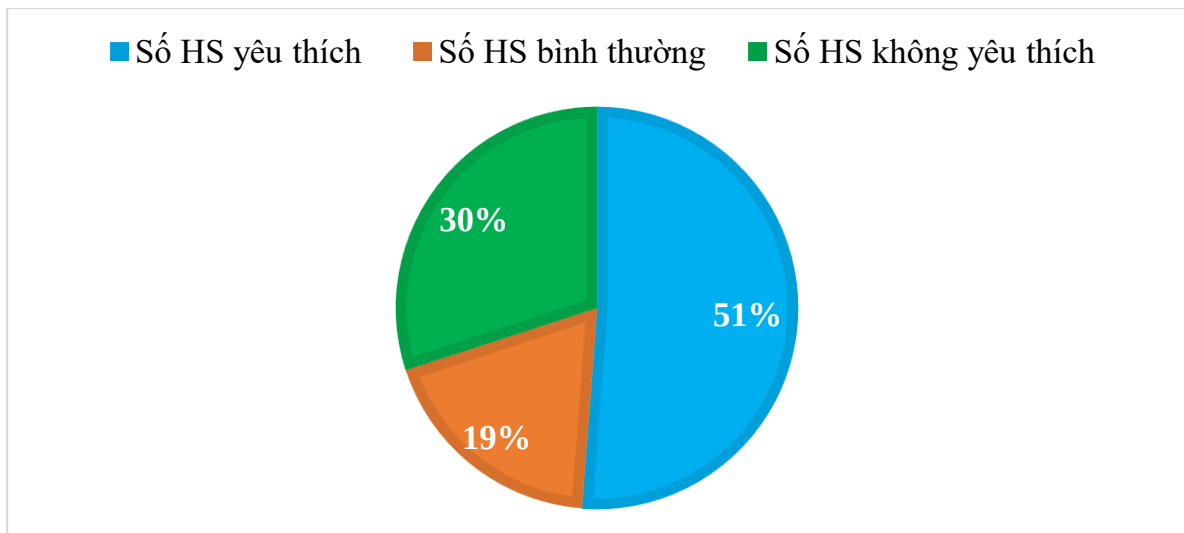
- Học sinh lúng túng khi đọc đề văn, không biết phải viết từ đâu, cần triển khai viết như thế nào hoặc khi viết thường bỏ sót ý dẫn đến bài viết không đủ ý, các chi tiết sắp xếp thiếu logic.

- Đặc biệt, học sinh chưa biết cách chủ động phát hiện những lỗi sai cũng như cách khắc phục lỗi sai của mình trong bài văn viết. Các em hầu như chờ đợi vào sự góp ý của giáo viên.

* Năm học 2023-2024 này, lớp 4A trường Tiểu học Đồng Thái do tôi chủ nhiệm có 43 học sinh. Để nắm được chất lượng viết văn và cụ thể số lượng học sinh yêu thích, hứng thú với tiết viết văn của lớp ra sao, tôi đã trao đổi với giáo viên chủ nhiệm cũ của lớp và ngay từ cuối hè tôi đã xây dựng hai phiếu điều tra dành cho 43 học sinh lớp 4A. Kết quả điều tra như sau:

Bảng 1: Mức độ hứng thú của học sinh lớp 4 với phân môn Tập làm văn.

Tổng số HS	Thích học môn TLV		Bình thường		Không thích học môn TLV	
	Số HS	Số %	Số HS	Số %	Số HS	Số %
43	22	51%	9	19%	12	30%



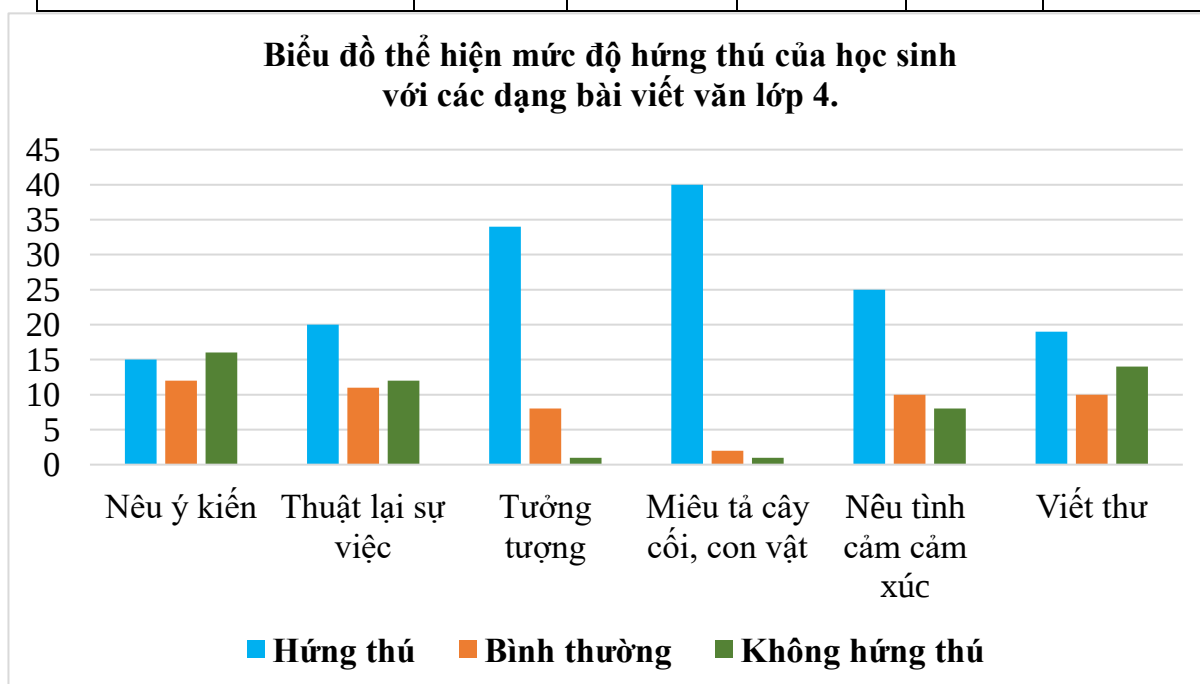
Biểu đồ 1: Biểu đồ thể hiện tỉ lệ mức độ hứng thú của học sinh lớp 4A đối với hoạt động viết văn trong môn Tiếng Việt

Theo bảng số liệu và biểu đồ thể hiện tỉ lệ mức độ hứng thú của học sinh lớp 4A đối với hoạt động viết văn trong môn Tiếng Việt, ta thấy: Nhìn chung đa phần số học sinh trong lớp yêu thích hoạt động viết văn chiếm khoảng 51% tổng số học sinh. Tuy nhiên xét về số lượng và tỉ lệ phần trăm số học sinh yêu thích hoạt động viết văn chưa thực sự cao. Tỉ số học sinh có mức độ yêu thích bình thường và không yêu thích chiếm tỉ số gần tương đương với tỉ số số học sinh yêu thích hoạt động viết văn, chiếm 49%. Nhiều em học sinh chia sẻ rằng các em cảm thấy “bí từ” khi viết văn, chưa biết cách chọn lọc những chi tiết để đưa vào bài dẫn đến tâm lí lúng túng, chán nản khi học viết văn.

Bảng 2: Kết quả khảo sát hứng thú với các dạng bài viết văn lớp 4.

Dạng bài văn	Mức độ			Trung bình	Xếp bậc
	Hứng thú (3 điểm)	Bình thường (2 điểm)	Không hứng thú (1 điểm)		
Dạng văn nêu ý kiến	15	12	16	2,0	6
Dạng văn thuật lại một sự việc	20	11	12	2,2	5
Dạng văn tưởng tượng	34	8	1	2,8	2

Dạng văn miêu tả cây cối, con vật	40	2	1	2,9	1
Dạng văn nêu tình cảm, cảm xúc về một người, một nhân vật	25	10	8	2,4	3
Dạng văn viết thư	19	10	14	2,3	4



Qua bảng số liệu và biểu đồ thể hiện mức độ hứng thú của học sinh đối với các dạng bài viết văn lớp 4, tôi nhận thấy các dạng bài viết văn của lớp 4 đều khơi dậy được sự hứng thú của học sinh, tuy nhiên mức độ hứng thú có sự chênh lệch giữa các dạng bài. Trong đó:

- Dạng bài văn miêu tả cây cối được, con vật khơi dậy được sự hứng thú và yêu thích của học sinh hơn cả chiếm, có tới 40/43 học sinh yêu thích. Sở dĩ học sinh yêu thích hứng thú với dạng bài này vì các sự vật được miêu tả gần gũi, thân thuộc với học sinh. Trong cuộc sống hàng ngày học sinh thường xuyên được quan sát, gần gũi với cây cối, con vật nuôi trong gia đình nên các em đã có sự trải nghiệm, kinh nghiệm và vốn sống đúc rút từ thực tế. Bởi vậy, không khó để học sinh miêu tả các chi tiết bộ phận của con vật, cây cối và tạo thành bài văn miêu tả hoàn chỉnh.

- Dạng bài tạo được sự hứng thú đứng thứ hai là dạng bài văn tưởng tượng với 34/43 học sinh hứng thú. Ở những năm cuối Tiểu học (lớp 4, lớp 5) khả năng tư duy trừu tượng và trí tưởng tượng của học sinh phát triển. Bởi vậy dạng bài này được học

sinh yêu thích, các em thỏa sức sáng tạo, và trí tưởng tượng kì diệu của bản thân cho bài viết.

- Những dạng bài văn nêu ý kiến, thuật lại sự việc, nêu tình cảm cảm xúc, viết thư cũng mang lại sự hứng thú cho HS tuy nhiên chiếm số lượng học sinh yêu thích chưa cao. Nguyên nhân của sự chênh lệch này do các em cảm thấy những dạng bài này còn khó, các em khó xác định các ý đưa vào bài, các ý đưa ra còn hay trùng lặp nhau, khó phân tách, sắp xếp các chi tiết còn chưa logic khoa học. Một số ít học sinh khác là do lười viết, ngại suy nghĩ, tư duy không chịu suy nghĩ từ lớp dưới dẫn tới tình trạng chán nản khi học và có tâm lí sợ viết văn.

2. Giải pháp thực hiện sáng kiến để giải quyết vấn đề

Dựa trên cơ sở thực tế nội dung viết văn - sách giáo khoa Tiếng Việt 4, căn cứ vào nội

dung cấu trúc bài viết văn qua tìm hiểu thực tế dạy - học ở Tiểu học cùng với những căn cứ đã trình bày, tôi xin đưa ra một số phương pháp và hình thức dạy học nhằm nâng cao kĩ năng viết văn cho học sinh lớp 4 trong môn Tiếng Việt như sau:

2.1. Biện pháp thứ nhất: Tìm hiểu đề

Không chỉ với nội dung viết văn mà đối với tất cả các môn học khác việc đọc đề và tìm hiểu đề đóng vai trò quan trọng và là bước không thể thiếu khi làm một bài văn. Việc tìm hiểu đề sẽ giúp định hướng cho tất cả quá trình làm bài của học sinh. Việc xác định đúng yêu cầu đề bài sẽ giúp học sinh lựa chọn đúng hướng đi tạo tiền đề quan trọng cho sự thành công của bài viết.

Ví dụ: ***Dạy làm bài văn: Viết thư cho người thân hoặc bạn bè ở xa*** (tuần 17 bài 32)

Hướng dẫn học sinh tìm hiểu đề bài bằng các câu hỏi:

- Đề bài yêu cầu gì? (Viết thư gửi cho một người thân hoặc người bạn ở xa để hỏi thăm sức khỏe/tình hình học tập/ước mơ của bản thân,...).

- Bài này thuộc loại văn gì? (Viết thư)

Giáo viên gạch chân những từ quan trọng trong đề bài đã viết sẵn lên bảng phụ, giúp học sinh nắm vững yêu cầu của đề rồi đặt ra những câu hỏi sau:

- Đề bài yêu cầu em viết thư cho ai? (Một người thân hoặc người bạn ở xa)

- Đề bài xác định mục đích viết thư để làm gì? (hỏi thăm tình hình sức khỏe. tình hình học tập/kể về ước mơ,...).

- Thư viết cho người thân hoặc người bạn ở xa thì cần dùng từ xưng hô như thế nào? (xưng hô gần gũi, thân mật: cháu, em, chị, bạn, cậu, mình, tớ,...).

- Cần hỏi thăm bạn về những phương diện nào? (sức khỏe, việc học ở trường mới, tình hình gia đình, sở thích của bạn hiện nay: đá bóng, chơi cầu,...)

- Cần thể hiện sự quan tâm, tình cảm, cảm xúc của em đối với người nhận thư,...

- Nên chúc người nhận thư, hứa hẹn điều gì? (chúc khỏe mạnh, học giỏi, hẹn gặp lại,...)

Nhờ có việc tìm hiểu đề trước khi làm bài nên học sinh có thói quen suy nghĩ, xác định đúng trọng tâm bài, ít có trường hợp bài viết bị lạc đề, giúp học sinh đạt kết quả tốt hơn.

2.2. Biện pháp thứ hai: Hướng dẫn học sinh lập dàn ý theo sơ đồ tư duy

Sơ đồ tư duy hay còn gọi là bản đồ tư duy, lược đồ tư duy là hình thức ghi chép nhằm tìm tòi đào sâu, mở rộng một ý tưởng, hệ thống hóa một chủ đề hay một mạch kiến thức bằng cách kết hợp việc sử dụng đồng thời hình ảnh, đường nét, màu sắc, chữ viết với sự tư duy tích cực.

Khi sử dụng sơ đồ tư duy trong dạy học nói chung và trong dạy viết văn nói riêng giúp giáo viên có thêm công cụ hỗ trợ đắc lực cho việc rèn kỹ năng viết văn cho học sinh, đặc biệt là kỹ năng lập dàn ý cho bài văn. Việc sử dụng sơ đồ tư duy cho việc lập dàn ý cho bài văn còn phù hợp với tâm lý học sinh Tiểu học, bởi sơ đồ tư duy với ưu thế về cách thể hiện trực quan sẽ giúp học sinh dễ dàng nắm bắt ý chính của nội dung bài văn, tạo cho học sinh hứng thú và mở ra cho các em liên tưởng, tưởng tượng, sáng tạo về đối tượng, sự kiện được nói tới trong bài.

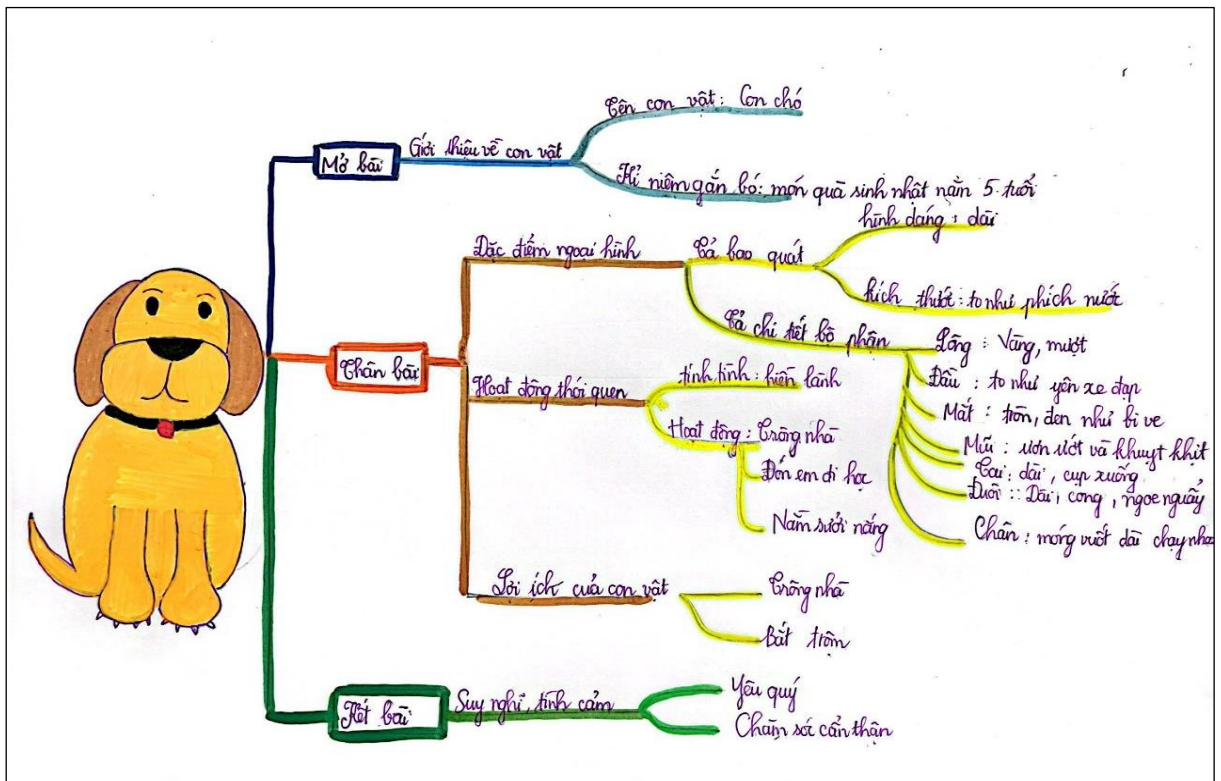
Dưới đây là gợi ý cách sử dụng sơ đồ tư duy trong bài: “Lập dàn ý cho bài văn miêu tả con vật”, thuộc tuần 15 chủ điểm “Chấp cánh ước mơ”.

- Bước 1: Tìm hiểu yêu cầu: Đây là bước rất quan trọng quyết định sự thành công của bài viết. Ở bước này HS cần xác định đúng đối tượng được miêu tả (con vật trong gia đình hoặc con vật được yêu thích) cũng như xác định được chủ đề nội dung chính của sơ đồ tư duy.

- Bước 2: Xác định cấu trúc của bài viết, phác thảo sơ đồ tư duy. Cấu trúc của bài văn miêu tả con vật gồm ba phần: Mở bài thân bài, kết bài sẽ tương ứng với ba mạch chính của sơ đồ.

- Bước 3: Dựa vào những ý sẽ triển khai ở từng phần sẽ triển khai các nhánh phụ của sơ đồ tư duy: Trong phần thân bài, học sinh cần đi sâu miêu tả các đặc điểm của con vật: đầu, thân hình, lông, tai, mắt, miệng, mũi, chân, đuôi, hoạt động của con vật,... Tương ứng với mỗi đặc điểm, học sinh sẽ thể hiện bằng một nhánh phụ trên sơ đồ.

- Bước 4: Hoàn thiện sơ đồ: Học sinh kiểm tra lại các chi tiết và sắp xếp lại cho hợp logic hơn (nếu cần). Để sơ đồ tư duy mang tính cấu trúc và hệ thống và có tính phân bậc học sinh có thể tô màu cho sơ đồ, sử dụng thêm các mũi tên chỉ sự gắn kết ý này với ý kia hoặc đánh số thứ tự, vẽ các đường bao quát.



Hình ảnh sản phẩm sơ đồ tư duy của học sinh

2.3. Biện pháp thứ ba: Dạy tốt tiết trả bài văn

Yêu cầu của tiết trả bài tập làm văn là giáo viên phải đánh giá kết quả làm bài của học sinh, phát huy được ưu điểm và tự sửa chữa những lỗi sai trong bài viết của mình. Làm tốt tiết trả bài tập làm văn là giáo viên đã giúp học sinh nhận ra lỗi sai mà bản thân mắc phải khi làm bài và rèn luyện kỹ năng viết cho học sinh lên một bậc. Công việc giảng dạy này mang tính khoa học và nghệ thuật đòi hỏi mỗi giáo viên phải đầu tư nhiều công sức, luôn luôn có ý thức vươn lên và sáng tạo không ngừng.

Để dạy tốt tiết trả bài tập làm văn, giáo viên có thể tiến hành theo các bước sau:

*** Chấm bài kỹ, nhận xét, chỉ ra được những ưu điểm, những tồn tại trong bài viết của từng học sinh.**

- Khi nhận xét bài cho học sinh, giáo viên cần đưa ra tiêu chí đánh giá nhận xét thống nhất nhưng vẫn tạo điều kiện khích lệ tính sáng tạo của học sinh, tránh thái độ đánh giá chủ, áp đặt, khuôn mẫu.

- Lời nhận xét, đánh giá cũng cần thể hiện tính động viên, nếu có thiếu sót phải ghi cụ thể để khi xem bài học sinh có thể nhận ra và sửa chữa bổ sung cho bài làm.

Khi chấm bài, giáo viên cần chuẩn bị sẵn bảng nhận xét để trong quá trình chấm bài, giáo viên ghi những ưu điểm và một số lỗi chính cần sửa của học sinh và chụp lại một số bài để khi chữa bài có thể trình chiếu cho học sinh tiện quan sát. Đây chính là những nội dung không thể thiếu trong tiết trả bài văn.

Vì thời gian trên lớp của tiết trả bài hạn chế, giáo viên sẽ lựa chọn ra những lỗi sai nghiêm trọng, điển hình học sinh hay mắc phải để chữa. Tùy vào từng lỗi sai giáo

viên lựa chọn chữa bằng hình thức nào: chữa miệng, chữa trực tiếp vào vở, làm phiếu,... Thông thường các lỗi về cấu trúc bài tập làm văn nội dung bài tập làm văn, các em thường có những hiểu biết lệch lạc trong khi làm bài. Các phần thiếu cân đối, chưa có trọng tâm hoặc các ý chưa có sự liên kết với nhau.... Những lỗi này, giáo viên có thể cho học sinh đọc lại và chỉ ra lỗi sai bằng miệng cho học sinh. Còn những lỗi về chính tả, lỗi dùng từ, lỗi câu hay lỗi về cách diễn đạt thì giáo viên có thể cho học sinh viết lại câu/đoạn văn xuống phía dưới bài viết.

Những tiết trả bài tập làm văn cho học sinh được thực hiện như vậy sẽ giúp học sinh nhận ra và biết cách khắc phục lỗi sai cho lần viết văn sau. Bên cạnh đó, học sinh có cơ hội được trao đổi học tập từ phía bạn bè những ưu điểm, những câu văn hay, những đoạn văn “đắt giá” từ đó giúp nâng cao khả năng viết văn cho học sinh.

2.4. Biện pháp thứ tư: Tăng cường trải nghiệm thực tế tạo điều kiện mở rộng hiểu biết và vốn từ cho học sinh

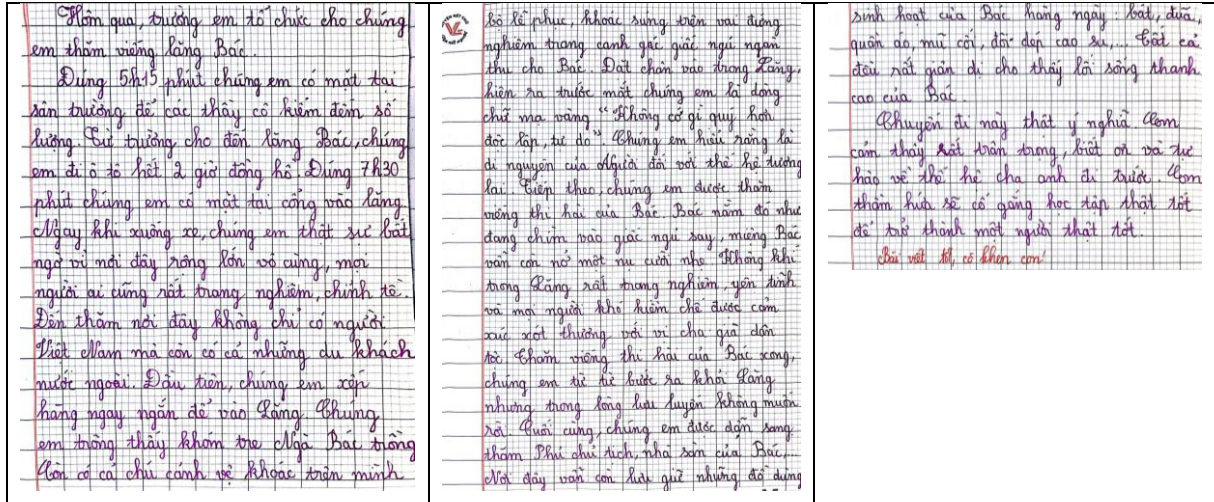
Kinh nghiệm cho thấy, khi bản thân học sinh có kinh nghiệm, trải nghiệm và kiến thức thực tế về đối tượng trong bài văn thì các bài văn của học sinh chân thật, giàu cảm xúc. Bởi vậy, giáo viên cần tạo điều kiện học sinh được học tập thông qua trải nghiệm qua đó kích thích sự hứng thú, ham học hỏi, làm giàu vốn từ và nâng cao hiểu biết học sinh

Ví dụ 1: Trước khi dạy học sinh về bài “Viết bài văn thuật lại một sự việc thể hiện truyền thống **“Uống nước nhớ nguồn”** và **chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc của em về sự việc đó**” thuộc **bài 15 tuần 26**, nhà trường và giáo viên tổ chức cho học sinh tham gia hoạt động trải nghiệm “Thăm viếng lăng Bác” – một hoạt động thể hiện truyền thống “Uống nước nhớ nguồn”. Đây là hoạt động mang hiệu quả cho đối với nhiều môn học (Hoạt động trải nghiệm, Tập làm văn, ...).



Hoạt động thăm viếng lăng Bác

Khi các em được trực tiếp trải nghiệm, tham gia sẽ bồi đắp thêm cho các con sự biết ơn, tự hào và sự tự ý thức về trách nhiệm của thế hệ ngày nay đối với đất nước cho xứng đáng với công lao và những hi sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh – vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc. Ngoài ra, chính nhờ có sự trải nghiệm thực tế, các con đã trang bị cho mình vốn từ đủ rộng mà vẫn đảm bảo sự chân thật gần gũi cho bài văn.



Bài văn miêu tả cây cối của học sinh

Ví dụ 2: Khi dạy học sinh viết văn miêu tả: “Viết bài văn miêu tả cây cối”, giáo viên đã tổ chức cho học sinh được trực tiếp quan sát được trải nghiệm, tích lũy vốn từ chỉ đặc điểm cho cây học sinh miêu tả.

Trước khi quan sát, giáo viên hướng dẫn học sinh chuẩn bị phiếu quan sát, việc chuẩn bị phiếu quan sát sẽ giúp định hướng cho học sinh đối tượng và các đặc điểm của đối tượng cần quan sát.

Đặc điểm bao quát			Đặc điểm của từng bộ phận				Sự vật, hoạt động có liên quan
Hình dáng	Tán lá		Thân	Cành	Lá		
.....							

Thông qua hoạt động quan sát, học sinh được trực tiếp quan sát, các con hằng hái đặt câu hỏi và chia sẻ những điều mà mình quan sát được:

- Con thấy trên thân cây có phân phình ra là gì vậy cô?
- Ô! Cô ơi hoa xoài kia ạ!
- Từ xa, con thấy cây như cái ô khổng lồ có nhiều tầng ạ!

Tiết học tập làm văn trở nên hứng thú với học sinh, giúp các con mở rộng vốn từ giúp bài văn của học sinh gần gũi, chân thật hơn bao giờ hết.





Hình ảnh trong tiết học quan sát cây cối

CÂY BÀNG							
Dặc điểm bao quát	Dặc điểm của từng bộ phận						Lưu vật, hoạt động liên quan
Hình dáng	Trunk	Branch	Leaf	Flower	Seed	Thorn	
Đo, cao, giống chiếc ô không lỗ	Trunk: xum xuê màu xanh	Branch: đâm xù xỏ, màu nâu, có những mầm phình ra	Leaf: xanh tươi, giống chiếc quạt	Flower: dài, màu trắng, thơm	Seed: nhỏ, tròn, màu vàng	Thorn: nhọn, sắc	Vào giờ ra chơi, chúng em thường đọc sách, vui chơi dưới gốc cây bàng.

Kết quả phiếu quan sát của học sinh

2.5. Biện pháp thứ năm: Tập diễn đạt cho câu văn sinh động, có hình ảnh.

Viết câu văn đúng ngữ pháp, vẫn chưa đủ mà phải viết hay, viết phải có nghệ thuật mới thành văn. Để các em viết được câu văn sinh động, giàu hình ảnh, giàu cảm xúc, tôi đã phải kiên trì luyện tập cho các em theo phương châm đi từ thấp đến cao.

2.5.1 Dùng từ gợi tả màu sắc, âm thanh.

Giúp các em thấy được ưu việt của các từ gợi tả màu sắc, âm thanh khi miêu tả sự vật.

Các dạng bài để luyện tập:

Dạng 1: Cho một câu văn, một đoạn văn hoặc đoạn thơ hay có sử dụng các từ gợi tả màu sắc, âm thanh để học sinh tự tìm và nêu cái hay của mỗi từ đó.

Ví dụ 1: Hãy nêu rõ tác dụng gợi tả của mỗi từ láy sau:

*Quýt nhà ai chín đỏ cây,
Hồi em đi học hây hây má tròn
Trường em mấy tổ trong thôn
Ríu ra ríu rít chim non đầu mùa.*

Tổ Hữu

Trả lời:

Tác dụng gợi tả:

- + *Hây hây (má tròn)*: màu da đỏ phơn phớt trên má, tươi tắn và đầy sức sống.
- + *Ríu ra ríu rít*: nhiều tiếng chim kêu hay tiếng cười nói trong và cao, vang lên liên tiếp và vui vẻ.

Ví dụ 2: Trong đoạn văn dưới đây, tác giả dùng những từ ngữ nào để gợi tả hình dáng con chim gáy? Cách dùng từ ngữ như vậy đã giúp em hình dung được con chim gáy như thế nào?

Con chim gáy hiền lành, béo nục. Đôi mắt nâu trầm ngâm ngơ ngác nhìn xa, cái bụng mìn mướt, cổ yếm quàng chiếc tạp dề công nhân đầy hạt cườm lấp lánh biêng biếc. Chàng chim gáy nào giọng càng trong, càng dài thì quanh cổ càng được đeo nhiều vòng cườm đẹp.

Trả lời:

Những từ ngữ gợi tả hình dáng con chim gáy: *béo nục, đôi mắt nâu trầm ngâm ngơ ngác nhìn xa, cái bụng mìn mướt, cổ yếm quàng chiếc tạp dề công nhân đầy hạt cườm lấp lánh biêng biếc.*

Cách dùng từ ngữ của tác giả đã giúp ta hình dung được con chim gáy rất cụ thể và sinh động; nó có vẻ đẹp thật hiền lành, phúc hậu và đáng yêu.

Dạng 2: Cho đoạn văn hoặc câu văn thiếu hình ảnh, chưa diễn đạt cụ thể để học sinh tự sửa bằng cách thêm những từ gợi tả màu sắc, âm thanh.

Ví dụ:

+ Cô giáo đưa ra câu "Nước sông chảy vào đồng". Câu này thiếu hình ảnh, giáo viên đã hướng dẫn học sinh thêm từ ngữ gợi tả màu sắc, âm thanh: "Nước sông tung bọt trắng xóa, chảy ào ào vào đồng".

+ Sửa câu "Mấy con chim hót trong bụi cây" (thiếu âm thanh) thành câu "Mấy con chim nhảy nhót, hót ríu rít trong bụi cây".

2.5.2. *Đưa nghệ thuật vào bài văn*

a. Sử dụng biện pháp so sánh

Khi học về biện pháp so sánh, phần lớn các em chỉ nhận ra hình ảnh so sánh trong các câu văn. Để các em có thói quen sử dụng biện pháp so sánh tạo ra những câu văn hay, giáo viên hãy giúp các em biết cảm nhận cái đẹp, cái mới của sự vật khi được so sánh.

Các dạng bài để luyện tập:

Dạng 1: Cho một câu văn, một đoạn văn hay có sử dụng biện pháp so sánh để học sinh tự tìm và nêu cái hay của biện pháp so sánh đó.

Ví dụ:

Tìm cái hay của biện pháp so sánh trong câu ca dao sau:

"Công cha như núi Thái Sơn

Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra".

Dạng 2: Giúp học sinh biết so sánh sự vật này với sự vật khác làm câu văn cụ thể hơn. Học sinh biết dùng thành thạo các từ dùng để so sánh: như, bằng, giống, tựa như, ...

Ví dụ: Học sinh viết: Rễ cây dài ngoằn ngoèo nổi lên mặt đất.

Sửa lại là: Rễ cây dài ngoằn ngoèo nổi lên trên mặt đất giống như những con rắn hổ mang trườn về nhiều phía.

Dạng 3: Hãy thêm vế câu để có hình ảnh so sánh thích hợp vào mỗi ô trống để mỗi dòng dưới đây trở thành câu văn có ý mới mẻ, sinh động.

Ví dụ:

+ Lá cọ tròn, xòe ra nhiều phiến nhọn, dài, trông xa như... (bàn tay vẫy hoặc mặt trời mới mọc,...).

+ Hoa bồng treo lủng là lủng lẳng từng chùm trên cây như... (những chiếc đèn lồng nhỏ xíu hoặc những đóm lửa,...).

Dạng 4: Luyện tập so sánh: cho đoạn văn thiếu hình ảnh, chưa diễn đạt cụ thể, ít cảm xúc hoặc cho những sự vật cụ thể để học sinh tự sửa bằng cách thêm biện pháp so sánh hoặc viết những câu văn có hình ảnh so sánh..

Tóm lại: Với cách làm như vậy, trí tưởng tượng của học sinh sẽ ngày càng phong phú, khả năng diễn đạt câu văn cũng ngày được nâng cao. Các bài viết của các em hay hơn, giàu hình ảnh, hấp dẫn, sinh động hơn.

b. Tập dùng biện pháp nhân hóa

Đây là biện pháp nghệ thuật rất quen thuộc đối với học sinh lớp 4. Với việc sử dụng các hình ảnh nhân hóa, chúng ta đã giúp cho bài văn trở nên sinh động, gần gũi hơn. Giáo viên nên để học sinh tập phát hiện các biện pháp nhân hóa được sử dụng, nâng một bước mới cho các em tập sửa từng trường hợp cụ thể.

Ví dụ: *Tìm câu văn hay trong các cặp câu sau:*

- a. Thân chuối màu đen khô ráp vì nắng gió.
- Chì chuối thật giản dị trong bộ áo đen khô ráp vì nắng gió.
- b. Gốc hồng màu đen xám.
- Gốc hồng như người mẹ già đi trong bộ áo xám đến nhường sắc non xanh cho hoa, cho lá.
- c. Bông hồng nhung vươn cao.
- Bông hồng nhung kiêu hãnh vươn cao, hình như cô rất tự hào với sắc đẹp của mình.
- d. Nắng chiếu đầy vòm lá.
- Nắng tinh nghịch giỡn đùa trên vòm lá.

3. Kết quả sau khi áp dụng giải pháp sáng kiến tại đơn vị:

Từ những ý tưởng cho sáng kiến tôi đã cố gắng hoàn thiện những biện pháp trên và ứng dụng một cách khoa học, phù hợp với đặc điểm thực tế của lớp tôi và của trường tôi. Kết quả đã phần nào khẳng định những biện pháp mà tôi đưa ra có tính hiệu quả cao. Cụ thể:

*** Học sinh:**

- Các em đón nhận tiết học rất sôi nổi, hào hứng và tự giác.
- Biết cách lập sổ tay văn học và có thói quen ghi chép lại những hình ảnh đẹp, những câu văn hay, những chi tiết xúc động.
- Biết cách trình bày, trao đổi, tranh luận về những vấn đề gần gũi với đời sống và phù hợp với trình độ của học sinh lớp 4.
- Các em được rèn 4 kỹ năng nghe, nói, viết, đọc. Nhiều em không những nói, viết thành câu mà còn biết diễn đạt rõ ý, sinh động và gợi cảm. Đặc biệt các em biết cách lập dàn ý cho bài văn, rút ra dàn ý từ đoạn văn đã cho sẵn hay chuyển dàn ý thành đoạn văn, bài văn.
- Một số em (chủ yếu là nam) thời gian đầu năm học còn không thích học thậm chí còn sợ môn Tập làm văn xuất phát từ lí do môn này khó viết, khó nói, phải học nhiều dạng bài. Nhưng cho đến nay, những em đó thấy tự tin hơn, đã không cảm thấy ngại khi học Tập làm văn.
- Hơn nữa các em được trau dồi từng bước về cảm thụ văn học, giúp cho việc viết câu văn, đoạn văn hay bài văn hay hơn, hồn nhiên, trong sáng và bộc lộ cảm xúc.

- Nhiều em yêu thích môn Tập Làm văn vì nó sôi nổi, đề tài phong phú, cung cấp cho các em nhiều kiến thức, giúp các em bộc lộ cảm xúc của mình, và giúp các em biết cách nói, cách viết được những câu văn hay.

*** Giáo viên:** Việc sử dụng các biện pháp dạy học trên nhằm nâng cao kỹ năng viết văn cho học sinh đã giúp cho tôi đã đạt được những yêu cầu của việc đổi mới phương pháp dạy học. Đó là:

- Chuyển từ phương pháp truyền thụ sang phương pháp mới: Tích cực hoá hoạt động của học sinh, trong đó giáo viên đóng vai trò người tổ chức hoạt động của học sinh, tháo gỡ khó khăn, thắc mắc của học sinh. Vì vậy trong tiết học, tôi không phải nói nhiều như trước đây.

- Giữa giáo viên và học sinh có sự phối hợp nhịp nhàng, gây hứng thú cho cả giáo viên và học sinh.

- Giờ học sôi nổi, vui vẻ, nhẹ nhàng, không còn căng thẳng, nặng nề như trước.

* Chính nhờ học tốt phân môn Tập làm văn đã giúp cho kết quả chung của môn Tiếng Việt cũng cao hơn. Các em yêu thích học phân môn tập làm văn và kỹ năng viết văn của các em được cải thiện đáng kể.

4. Hiệu quả của sáng kiến:

4.1. Hiệu quả về khoa học:

- Các biện pháp đưa ra hoàn toàn phù hợp với đặc điểm nhận thức của học sinh: đi từ trực quan sinh động đến tư duy. Nhiều học sinh đầu năm kỹ năng viết văn còn kém thì đến cuối năm bài viết cũng đạt yêu cầu của đề bài, bố cục bài rõ ràng, nội dung đầy đủ các ý, các ý sắp xếp logic.

4.2. Hiệu quả về kinh tế:

- Giáo viên tiết kiệm được thời gian, chủ động hơn trong các tiết hướng dẫn viết văn. Xây dựng kế hoạch bài dạy đạt hiệu quả không mất thời gian chỉnh sửa và chi phí in ấn.

- Ngoài ra, những biện pháp trên không tốn nhiều chi phí để làm đồ dùng, nguyên vật liệu. Giáo viên và học sinh có thể sử dụng những đồ dùng sẵn có (giấy A4, bút màu,...) những vật dụng này cũng đang được dùng trong môn mỹ thuật nên sẽ không mất thêm nhiều chi phí để mua mới.

4.3. Hiệu quả về xã hội:

- Các biện pháp kể trên giúp khơi dậy được ở các em sự hứng thú tích cực với môn học. Sau khi đưa vào thử nghiệm những biện pháp trên, mức độ hứng thú của học sinh với hoạt động viết văn đã thay đổi rõ nét. Thể hiện:

Giai đoạn	Tổng số HS	Thích học môn TLV		Bình thường		Không thích học môn TLV	
		Số HS	Số %	Số HS	Số %	Số HS	Số %

Trước thử nghiệm	43	22	51,2%	9	20,9%	12	27,9%
Sau thử nghiệm	43	32	74,4%	10	23,3%	1	2,3%

Như vậy qua bảng số liệu có thể thấy số học sinh yêu thích tập làm văn tăng lên đáng kể (từ 51,2% tăng lên 74,4%, như vậy tăng 23,2%), số học sinh không yêu thích tập làm văn cũng nhờ đó giảm đi (từ 27,9% xuống còn 2,3%, như vậy giảm 25,6%).

Các em biết sử dụng từ ngữ, ngôn ngữ phong phú cần thiết cho bài viết của mình. Trong giờ học các em tập trung hơn, say sưa cùng bạn bè quan sát đối tượng miêu tả,... Các em có thể tự mình viết những câu văn hay, từ ngữ gợi tả, gợi cảm,... khả năng diễn đạt của các em cũng được cải thiện. Ngoài ra, việc học tốt phân môn tập làm văn cũng giúp học sinh bồi đắp nuôi dưỡng tình cảm của bản thân với gia đình, với quê hương, và với đất nước. Việc viết văn tốt cũng sẽ giúp các em học tốt các môn học khác.

5. Tính khả thi (khả năng áp dụng vào thực tiễn công tác của đơn vị, địa phương...):

- Việc áp dụng đề tài vào thực tiễn hoàn toàn phù hợp với điều kiện của Trường, của địa phương và hoàn cảnh của học sinh.

- + Phù hợp về điều kiện cơ sở vật chất trang thiết bị
- + Phù hợp về đặc điểm nhận thức của học sinh

6. Thời gian thực hiện đề tài, sáng kiến.

- Từ tháng 9 năm 2023 đến tháng 3 năm 2024

7. Kinh phí thực hiện đề tài, sáng kiến.

Kinh phí thực hiện đề tài sáng kiến không đáng kể, vì tận dụng được những đồ dùng, học liệu,... của nhiều môn học khác.

III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT.

1. Kết luận

Vậy mỗi tiết của hoạt động viết muốn đạt hiệu quả cao, người giáo viên cần phải biết sáng tạo và biết kết hợp hài hòa các biện pháp dạy học. Hơn thế nữa, người giáo viên cần phải tận tâm với nghề, với bài dạy; phải nghiên cứu, đào sâu suy nghĩ bài dạy của các hoạt động: đọc, luyện từ và câu; nói và nghe/đọc mở rộng vì nó tác động và có quan hệ mật thiết với hoạt động viết văn của học sinh. Các hoạt động này giúp học sinh mở rộng vốn từ, hiểu và vận dụng từ, vận dụng những câu văn, đoạn văn hay ở bài Tập đọc vào bài văn. Mặt khác phải tích cực đổi mới phương pháp dạy học. Bài văn phản ánh vốn từ ngữ, vốn sống, kinh nghiệm và trải nghiệm của học sinh. Chất lượng của bài văn phụ thuộc vào vốn từ ngữ, vào năng lực của mỗi em, vào điều kiện của gia đình. Với những phương pháp tôi đưa ra và tiến hành thử nghiệm trên đây đã giúp học sinh

lớp 4A trường Tiểu học Đồng Thái thêm yêu thích và hứng thú hoạt động viết văn, kĩ năng diễn đạt, chất lượng bài viết cũng được cải thiện và nâng cao.

Trên đây là “Một số biện pháp nâng cao kĩ năng viết văn cho học sinh trong môn Tiếng Việt lớp 4” mà tôi đã áp dụng trong quá trình giảng dạy. Hi vọng đề tài này góp một phần nhỏ bé trong việc giúp học sinh vững vàng trong việc viết văn để lên tiếp các lớp sau. Hoạt động viết văn luôn là nội dung khó và kém hấp dẫn hơn các nội dung khác nhưng hết sức quan trọng trong môn Tiếng Việt. Tuy vậy để giờ học trở lên nhẹ nhàng thực sự lôi cuốn các em, mỗi giáo viên chúng ta cần biết lựa chọn, khéo léo sử dụng các biện pháp dạy học kết hợp tổ chức các hoạt động phong phú. Sự hứng thú, say mê trong giờ học sẽ giúp các em chủ động khám phá và lĩnh hội kiến thức. Nhờ đó các em sẽ đạt được kết quả cao trong học tập, nâng cao trình độ Tiếng Việt nói riêng và trình độ văn hoá nói chung.

2. Đề xuất

Để mỗi tiết học viết văn thành công, người giáo viên thực sự thấy tự tin trong quá trình giảng dạy và có thể xử lí các tình huống trước học sinh. Qua thực tiễn giảng dạy và kết quả đạt được, tôi đã rút ra những kinh nghiệm sau:

- Ngay từ đầu năm học, giáo viên phải có sự tìm hiểu trao đổi với giáo viên chủ nhiệm cũ và có kế hoạch phân loại chất lượng viết văn của học sinh trong lớp để từ đó có biện pháp giảng dạy phù hợp với từng đối tượng học sinh.

- Cần phối hợp nhiều phương pháp giảng dạy trong giờ học để tiết học thêm hấp dẫn và sôi nổi.

- Luôn có thói quen tích lũy các bài văn hay của học sinh làm tư liệu.

- Kiên trì, uốn nắn cho học sinh. Luôn động viên, khuyến khích kịp thời các học sinh có tiến bộ để tạo hứng thú học tập và phát huy tính sáng tạo cho các em.

- Cần dạy tốt và có hiệu quả những nội dung đọc, luyện từ và câu, nói và nghe/đọc mở rộng trong môn Tiếng Việt và các môn học khác trong nhà trường qua đó trau dồi thêm cho học sinh vốn từ, những kinh nghiệm trải nghiệm để đưa vào bài văn.

- Luyện học sinh viết từ dễ đến khó: Từ cách viết câu văn hay đến viết đoạn văn hay rồi viết bài văn rồi viết bài văn hay sáng tạo với những từ ngữ bay bổng, đắt giá.

- Khuyến khích học sinh đọc sách tham khảo, sưu tầm câu văn, đoạn văn, bài văn hay lưu vào sổ tay văn học.

- Hệ thống câu hỏi được sử dụng trong giờ dạy phải ngắn gọn, dễ hiểu, gợi mở tư duy hứng thú của học sinh, điều chỉnh những câu hỏi chưa phù hợp với trình độ học sinh.

- Nên chuẩn bị đầy đủ các đồ dùng trực quan, khái quát nội dung bài viết bằng sơ đồ tư duy giúp kích thích sự hứng thú và tăng khả năng ghi nhớ của học sinh.

- Luôn coi học sinh là nhân vật trung tâm của mọi hoạt động, giáo viên chỉ là người điều khiển, tổ chức, hướng dẫn học sinh phát hiện ra kiến thức mới.
- Mỗi người giáo viên không ngừng học tập, đọc thêm tài liệu, sách báo, sưu tầm thêm tư liệu, có ý thức ghi lại những câu văn hay, hình ảnh đẹp, trao đổi thường xuyên với đồng nghiệp.

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN
(ký tên, đóng dấu)

Ba Vì, Ngày 3 tháng 4 năm 2024
Người viết sáng kiến

Đặng Thị Thanh Huyền

TÀI LIỆU THAM KHẢO

STT	TÊN TÀI LIỆU
1	Sách giáo khoa Tiếng Việt 4, sách giáo viên Tiếng Việt 4
2	Độc sách giáo trình “ Phương pháp dạy Tiếng Việt Tiểu học”
3	Các tài liệu tập huấn chương trình thay sách lớp 4